

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 287/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 22/3/2019

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tiên - Cán bộ hưu trí Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Võ Thị Hồng Vân - Cán bộ Hội liên hiệp phụ nữ phường Thới An, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Bình - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1671/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2018 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2019, giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1977 (Có mặt).

Địa chỉ: 35/2, Khu phố 7, phường B, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1980 (Có mặt).

Địa chỉ: 35/2, Khu phố A, phường B, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn ngày 20/12/2018, bản tự khai, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc T trình bày:

Ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị Thúy H chung sống với nhau từ năm 1998. Có tổ chức đám cưới, nhưng đến năm 2002 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 259, quyển 02/2002, cấp ngày 31/12/2002.

Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc nhưng những năm gần đây đã bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng. Nguyên nhân do mâu thuẫn về chuyện tiền bạc và bà H thường xuyên bỏ nhà đi nhiều ngày mới về mà không thông báo cho ông biết dẫn đến vợ chồng thường xuyên gây gổ cãi vã khiến không khí gia đình rất nặng nề và căng thẳng. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên hai vợ chồng đã ly thân, không còn chung sống với nhau khoảng 01 năm nay. Trong thời gian ly thân nhận thấy không thể hàn gắn được nữa. Nay nhận thấy không thể tiếp tục chung sống, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung Nguyễn Tấn C, sinh ngày 08/11/2003 và Nguyễn Ngọc S, sinh ngày 30/03/1999.

Con chung Nguyễn Ngọc S đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nếu được ly hôn ông yêu cầu được nuôi con Nguyễn Tấn C, không cần bà H cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp Tòa án giao con Nguyễn Tấn C cho bà Nguyễn Thị Thúy H trực tiếp nuôi dưỡng thì ông sẽ cấp dưỡng mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi đủ 18 tuổi, thời gian thực hiện vào ngày 15 dương lịch hàng tháng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Không có.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy H trình bày:

Bà xác nhận mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đúng như lời trình bày của ông T. Tuy vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống vợ chồng. Khoảng 01 năm nay ông T về nhà bố mẹ ruột ở nên hai vợ chồng không còn ở chung. Việc ông T nói bà thường xuyên bỏ nhà đi nhiều ngày mới về mà không thông báo là không đúng do lúc này tôi và ông T đã không còn ở chung và do công việc nên tôi phải thường xuyên đi làm xa, vắng nhà. Bà nghi ngờ ông T yêu cầu ly hôn là do có người phụ nữ khác bên ngoài. Bà xác định vẫn còn tình cảm với ông T và muốn con được ở chung với cả cha mẹ nên không đồng ý yêu cầu ly hôn của ông T, còn ông T muốn đi đâu làm gì thì làm bà không can thiệp.

Về con chung: Có 02 con chung Nguyễn Tấn C, sinh ngày 08/11/2003 và Nguyễn Ngọc S, sinh ngày 30/03/1999.

Con chung Nguyễn Ngọc S đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn bà yêu cầu được nuôi con Nguyễn Tấn C, không cần ông T cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục và tuân theo đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về quan hệ hôn nhân: Mâu thuẫn vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56, luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T.

Về quan hệ con chung: Căn cứ khoản 2 Điều 81, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Tấn C cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Ngọc T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi đủ 18 tuổi, thời gian thực hiện vào ngày 15 dương lịch hàng tháng bắt đầu từ ngày 15/4/2019.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thúy H và ông Nguyễn Ngọc T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị Thúy H cùng xác định không có nên Tòa án không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Các đương sự tranh chấp với nhau về việc ly hôn, nuôi con. Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về “Ly hôn, nuôi con” theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đang cư ngụ tại Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ việc thuộc thẩm quyền Tòa án nhân dân Quận 12.

[2]. Về nội dung tranh chấp: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp đã đủ cơ sở xác định.

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị Thúy H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 259, quyển 02/2002, do Ủy ban nhân dân phường B, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/12/2002 nên là hôn nhân hợp pháp.

Kết quả xác minh về quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà H tại Ủy ban nhân dân phường B, Quận 12 thể hiện: “Trong cuộc sống H ngày giữa ông T và bà H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn về chuyện tiền bạc trong gia đình.

Hiện tại ông T và bà H đang sống 02 căn nhà ở cạnh nhau. Ông T sống nhà mẹ ruột, bà H sống nhà riêng của 02 vợ chồng từ năm 2015 đến nay.”

Ông T có đơn xin ly hôn bà H, còn bà H cho rằng còn tình cảm vợ chồng nên không đồng ý ly hôn.

Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy ông T và bà H đã không còn chung sống với nhau khoảng 01 năm, bà H tuy nói còn tình cảm vợ chồng với ông T nhưng lại không quan tâm mà để mặc ông T muốn đi đâu, làm gì thì làm. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông T và ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T.

[2.2]. Về con chung: Ông T và bà H xác định có 02 con chung là Nguyễn Tấn C, sinh ngày 08/11/2003 và Nguyễn Ngọc S, sinh ngày 30/3/1999.

Con chung Nguyễn Ngọc S hiện đã trưởng thành.

Ông T và bà H đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi con Nguyễn Tấn C

Tại phiên tòa cháu Cường cho biết nguyện vọng là vẫn muốn bố mẹ chung sống với nhau nhưng nếu bố mẹ không ở được với nhau thì muốn được ở với mẹ. Hiện ông T và bà H đều có chỗ ở và thu nhập ổn định nên đều đủ điều kiện để nuôi con.

Hội đồng xét xử nhận thấy, cháu Cường đang trong độ tuổi rất cần có sự quan tâm, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Việc giao con cho ai nuôi dưỡng cần phải xem xét mọi mặt và đảm bảo quyền lợi của con. Vì vậy, để đảm bảo sự ổn định nơi ăn ở, tinh thần, sức khỏe cần giao cháu Cường cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Ngọc T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi đủ 18 tuổi, thời gian thực hiện vào ngày 15 dương lịch hàng tháng bắt đầu từ ngày 15/4/2019.

[2.3]. Về tài sản chung: Ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị Thúy H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị Thúy H cùng xác định không có nên Tòa án không giải quyết.

[3]. Về ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 tại phiên tòa: Hội đồng xét xử nhận thấy các ý kiến đều phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[4]. Về án phí: Yêu cầu của ông Nguyễn Ngọc T được chấp nhận, nên ông T phải chịu án phí sơ thẩm trong vụ án ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 53; Điều 54; Điều 56; Điều 57; Điều 58 và khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ông Nguyễn Ngọc T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thúy H.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, Giấy chứng nhận kết hôn 259, Quyền 02/2002, cấp ngày 31/12/2002 của Ủy ban nhân dân phường B, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp luật.

2. Về con chung: Ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị Thúy H có 02 (hai) con chung Nguyễn Tấn C, sinh ngày 08/11/2003 và Nguyễn Ngọc S, sinh ngày 30/3/1999.

Con chung Nguyễn Ngọc S hiện đã trưởng thành.

Giao con chung Nguyễn Tấn C cho bà Nguyễn Thị Thúy H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ông Nguyễn Ngọc T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 (ba triệu) đồng cho đến khi đủ 18 tuổi, thời gian thực hiện vào ngày 15 dương lịch hàng tháng bắt đầu từ ngày 15/4/2019.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng, người phải thi hành án còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức quy định tại Điều 357 và 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng cho con.

3. Về tài sản chung: Ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị Thúy H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị Thúy H cùng xác định không có nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng và cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0046538 ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Ngọc T còn phải nộp tiếp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Q.12;
- CCTHADS Q.12;
- UBND nơi cấp GCN kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Minh Hà